

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 18 tháng 08, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





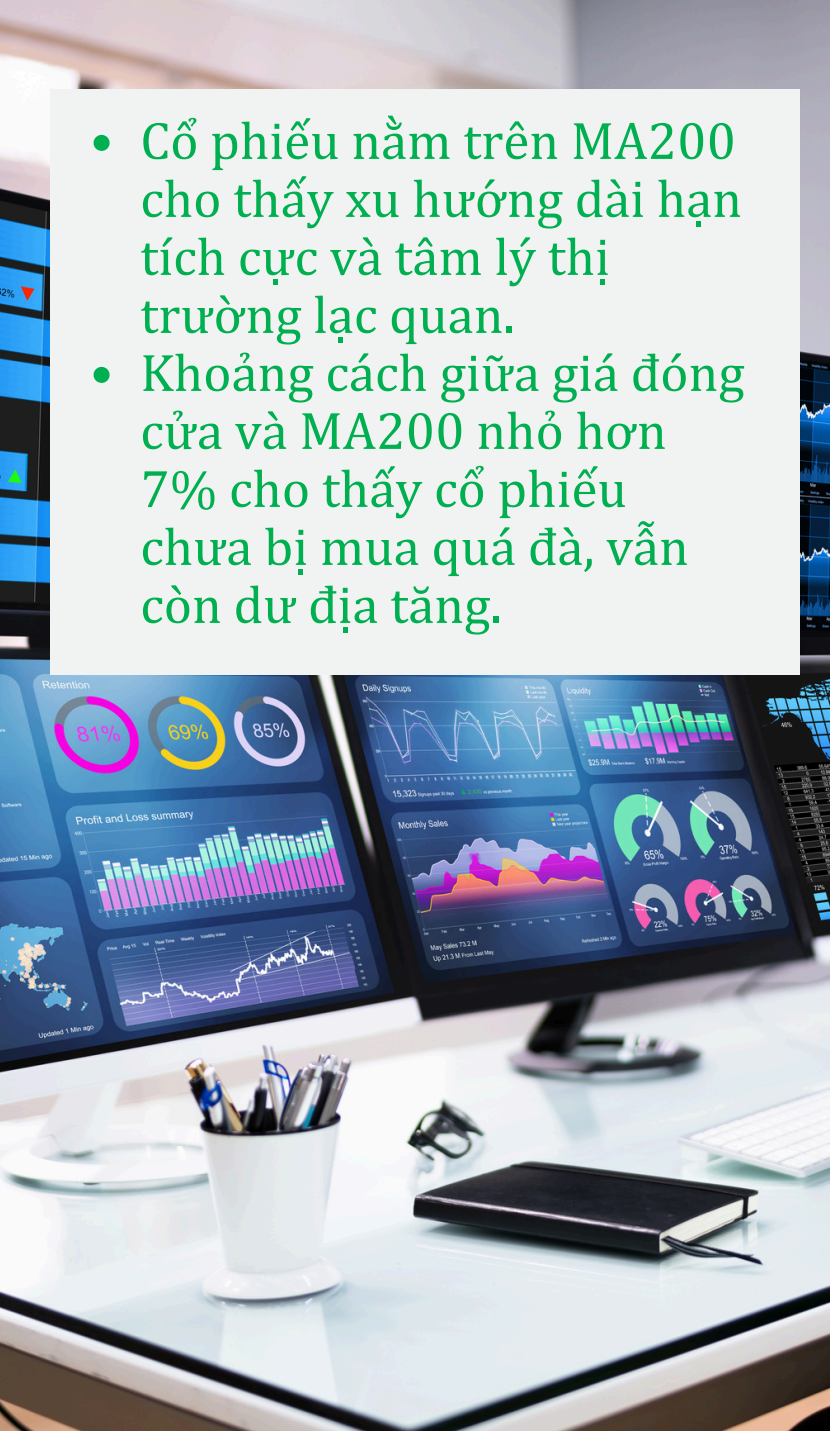
- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	VRC	15/08/2025	13.85	1.523.900	92.130	16.54
2	NBB	15/08/2025	24.95	3.788.300	380.987	9.94
3	IMP	15/08/2025	55	974.900	204.620	4.76
4	GKM	15/08/2025	5.5	3.188.800	728.570	4.38
5	IVS	15/08/2025	11.3	2.601.000	662.303	3.93
6	PHC	15/08/2025	6.39	1.121.000	294.227	3.81
7	MBB	15/08/2025	28.25	117.471.296	32.529.120	3.61
8	DSC	15/08/2025	19.55	976.700	270.957	3.6
9	CRE	15/08/2025	10.6	2.870.200	802.927	3.57
10	LIG	15/08/2025	5.3	5.799.900	1.982.793	2.93
11	HSL	15/08/2025	12.55	1.417.800	483.360	2.93
12	VAB	15/08/2025	14.2	7.589.200	2.632.573	2.88
13	VCG	15/08/2025	26.95	46.721.100	16.669.043	2.8
14	BSR	15/08/2025	24.3	35.202.800	12.804.293	2.75
15	IPA	15/08/2025	23.3	2.812.300	1.035.400	2.72
16	BVH	15/08/2025	61.8	2.216.600	836.033	2.65
17	PLX	15/08/2025	38.5	7.509.200	2.854.180	2.63
18	MZG	15/08/2025	14	1.549.800	625.263	2.48
19	MIG	15/08/2025	19.7	1.298.000	542.387	2.39
20	PAC	15/08/2025	29.5	2.367.300	1.004.677	2.36
21	CII	15/08/2025	24.7	73.848.000	34.290.392	2.15
22	ORS	15/08/2025	13.06	24.036.500	11.320.413	2.12
23	BMI	15/08/2025	21.8	981.300	468.860	2.09
24	NLG	15/08/2025	44.7	8.690.600	4.189.497	2.07
25	TVN	15/08/2025	8.8	2.175.700	1.051.057	2.07
26	TCO	15/08/2025	13.8	1166100	573107	2.03
27	HDG	15/08/2025	31.75	15773000	7869370	2
28	FPT	15/08/2025	101.4	18622300	9401170	1.98
29	G36	15/08/2025	11.7	2889300	1509410	1.91



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	BCM	15/08/2025	70.2	777.890	55.74	67.13	4.58	1.29	0.08
2	BMI	15/08/2025	21.8	764.530	59.85	20.62	5.73	0.05	0.07
3	CMG	15/08/2025	44.3	2.519.610	62.93	42.03	5.39	1.21	-1.15
4	CSM	15/08/2025	13.8	1.172.450	54.68	13.4	3	0.1	0.06
5	DGC	15/08/2025	103.6	3.369.970	49.25	103.4	0.19	1.86	-2.98
6	DVM	15/08/2025	7.8	918.960	59.12	7.62	2.32	0.15	0.03
7	FTS	15/08/2025	41.2	8.202.490	50.79	38.64	6.63	0.57	-0.53
8	GAS	15/08/2025	69.7	1.626.520	58.34	66.51	4.8	0.84	-0.08
9	GIL	15/08/2025	19.2	1.640.950	47.71	18.36	4.56	0.38	0.02
10	GMD	15/08/2025	59.7	4.819.900	56.09	57.74	3.39	0.91	-1.55
11	GVR	15/08/2025	31.4	7.394.480	54.25	30	4.66	0.46	-0.45
12	HNG	15/08/2025	6.5	10.771.670	54.06	6.31	3.5	0	0.19
13	IDC	15/08/2025	44	4.101.960	71.09	42.07	4.58	1.04	-1.26
14	IJC	15/08/2025	14.1	4.899.140	59.85	13.29	6.07	0.23	-0.03
15	LAS	15/08/2025	19.9	2.080.400	43.85	19.15	3.94	0.12	-0.28
16	MSH	15/08/2025	37.45	878.820	46.61	35.12	6.63	0.21	0.31
17	MST	15/08/2025	6.7	4.313.640	53.11	6.32	5.96	0.11	0.13
18	PLX	15/08/2025	38.5	3.888.510	59.48	37.49	2.7	0.4	-0.21
19	PVD	15/08/2025	22.75	13.433.990	68.06	21.85	4.12	0.61	-0.79
20	SKG	15/08/2025	11.35	558.600	54.61	10.63	6.79	0.16	0.03
21	TNG	15/08/2025	21.1	2.699.010	50.08	20.97	0.62	0.47	-0.42
22	TTA	15/08/2025	11.6	877.820	52.99	11.54	0.51	0.13	0.1
23	TVC	15/08/2025	9.6	555.690	51.72	9.32	3.02	0.16	0.01
24	VCB	15/08/2025	64.3	11.049.440	64.47	60.68	5.96	0.74	-0.53
25	VGI	15/08/2025	78.8	1.521.160	56.21	78.37	0.55	1.13	-1.69
26	VGT	15/08/2025	13	2.798.250	55.16	12.7	2.33	0.31	-0.07
27	VIP	15/08/2025	13.3	565.740	50.38	13	2.34	0.12	-0.13
28	VNM	15/08/2025	61	5.933.380	52.08	59.09	3.23	0.76	0.02
29	VOS	15/08/2025	15.65	5.290.120	51.55	15.2	2.94	0.21	-0.16



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	SHB	18.45	19.03	108.118.560
2	MBB	28.25	29.5	51800100
3	VIX	34.7	34.7	49.906.592
4	VPB	31.1	32.8	49.286.468
5	VND	24.7	25.5	46121392
6	CII	24.7	24.95	45.592.120
7	HDB	31	31.7	27.585.110
8	HCM	29	29.5	22.309.120
9	EIB	29.7	30.25	21.888.730
10	ACB	26.55	27.6	21.878.560
11	VSC	33.85	33.85	21.068.310
12	BSR	24.3	24.57	20.599.680
13	VCG	26.95	28.25	18.213.290
14	MBS	44.1	47.29	9.679.830
15	PC1	28.45	19.3	9.426.250
16	FCN	18.7	14.9	6.662.020
17	VAB	14.2	12.5	3.904.520
19	G36	11.7	5.3	2.230.580
20	LIG	5.3	10.7	2.009.610
21	CRE	10.6	14.2	1.511.230
22	MZG	14	64.3	1.435.660
23	BVH	61.8	23.3	1.393.200
24	IPA	23.3		1.131.130

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	BGE	6.2	5.9	2.309.780
2	BSI	51.5	50.5	3.151.930
3	DSC	19.55	18.5	340620
4	GKM	5.5	5	1.137.220
5	IDC	44	43.8	4.101.960
6	ORS	13.06	12.9	12.486.060
7	VPI	56.6	56	2.063.890

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ADP	27.2	26.8	17.130
2	CNT	9.6	9.5	13.410
3	CTF	21	21	317.980
4	DCL	20.95	20.95	431.800
5	VEF	170.4	168.7	15.780

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	DP3	52	47.7	15.250
2	CT3	6.3	5	18.310
3	MEC	3.4	3.4	47.750
4	BLF	2.3	2.2	57.680
5	NGC	1.5	1.5	28.640
6	PXI	1,2	1.2	204.700



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới



Cắt lên đường trung bình MA200

Cắt lên đường trung bình MA20

Cắt lên đường trung bình MA50

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CCL	7.47	7.59	910.450
2	CMX	7.47	7.47	816.360
3	DDG	2.8	2.87	501910
4	ELC	23.1	23.28	1.398.460
5	LSS	10.1	10.17	768.560
6	PNJ	86.2	87.14	755.480
7	QTP	13.2	13.28	572.240
8	SIP	64.4	66	816.970
9	SZC	37.8	38.96	3.432.730

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAV	6.5	6.7	1.138.570
2	AMV	2	2.15	1.965.930
3	CSV	35.75	35.97	1913050
4	DRI	12.6	12.64	1.381.310
5	HVN	30.5	31.05	1.489.480
6	LMH	0.9	0.97	838.560
7	REE	66.6	67.72	1.183.960
8	TV2	38	38.63	1.015.860
9	VEA	38.7	38.98	723060

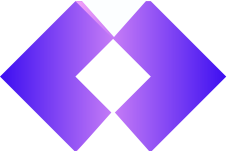
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAV	6.5	6.63	1.138.570
2	CRC	11.35	11.71	1.229.740
3	DC4	13	13.39	2051790
4	DDG	2.8	2.87	501.910
5	DGC	103.6	104.64	3.369.970
7	DLG	3.21	3.29	7280340
8	DPR	41	41.15	1052290
9	DSE	25.45	25.53	1252750
10	ELC	23.1	23.54	1398460
11	FIR	8.9	09.05	921340
12	FIT	5.15	5.16	2903530
13	FTS	41.2	41.47	8202490
14	GEG	16.75	17.16	2718030
15	GIL	19.2	19.63	1640950
16	HHS	17.3	17.89	11754050
17	LAS	19.9	20.31	2080400
18	LMH	0.9	0.96	838560
14	MSH	37.45	38.18	878820
15	PAN	33	33.84	2547960
16	PNJ	86.2	86.32	755480



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QTP	15/08/2025	13.2	12.9	13.4	3.9	577.600
2	QNS	15/08/2025	48	45.09	49.1	8.9	226.780
3	SAB	15/08/2025	47.5	45.69	50	9.4	1.309.820
4	SJD	15/08/2025	15.5	14.15	15.6	10.2	142.040
5	TVD	15/08/2025	10.6	10.32	11.4	10.5	105.260
6	CST	15/08/2025	15.4	15.1	16.7	10.6	132.280
7	BAF	15/08/2025	35.35	33.2	37.3	12.3	7.782.340
8	NED	15/08/2025	7.2	6.9	7.8	13	117.600
9	BWE	15/08/2025	49.15	46.7	52.8	13.1	222.300
10	BMP	15/08/2025	135.5	133.1	151	13.4	240.380
11	CTF	15/08/2025	20.7	20.65	23.45	13.6	327.480
12	FPT	15/08/2025	101.4	99.25	112.8	13.7	15.932.700
13	NBC	15/08/2025	9.9	9.12	10.4	14	236.220
14	ABI	15/08/2025	29.7	27.1	30.9	14	107.260
15	CTD	15/08/2025	80.7	77.5	88.5	14.2	1.165.140
16	SCS	15/08/2025	62.9	60.8	69.5	14.3	469.920
17	VTO	15/08/2025	12.45	12.15	13.9	14.4	1.298.500
18	IMP	15/08/2025	55	48.71	55.7	14.4	327.020
19	PPC	15/08/2025	11.15	10.9	12.5	14.7	1.609.400
20	BNA	15/08/2025	7.5	7.4	8.5	14.9	290.480
21	BMC	15/08/2025	17.65	17.37	19.95	14.9	140340
22	APG	15/08/2025	11.75	11.7	13.45	15	971420



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009